

140 x 160 mm

DH-Hasanflon 1000

Viên nén bao phim

Để xa tầm tay trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC

- Thành phần được chất: Phần đoạn flavonoid tinh khiết dạng vi hạt 1000 mg (tương ứng: diosmin 900 mg, hesperidin 100 mg).
- Thành phần tá dược: Cellulose vi tinh thể, tinh bột tiền gelatin hóa, natri starch glycolat, magnesi stearat, talc, HPMC 615, HPMC 606, PEG 6000, natri lauryl sulfat, titan dioxyd, oxyd sắt vàng, oxyd sắt đỏ.

DẠNG BÀO CHẾ

- Viên nén bao phim.
- Viên nén hình oval, bao phim màu nâu nhạt, hai mặt lõm có khắc vạch ngang.
- Vạch ngang có vai trò giúp việc uống thuốc dễ dàng hơn, không phải để chia thành các liều lượng bằng nhau.

CHỈ ĐỊNH

- Điều trị suy tĩnh mạch mãn tính ở chi dưới, trong trường hợp xuất hiện các triệu chứng chức năng sau: nặng chân và sưng tấy; đau; chuột rút về đêm ở chi dưới.
- Điều trị triệu chứng con trĩ cấp tính.

LIỀU DÙNG, CÁCH DÙNG

Liều dùng

Người lớn

Suy tĩnh mạch mãn tính

Liều thông thường là 1 viên/ngày trong 2 tháng. Có thể tiếp tục điều trị thêm 2 tháng nữa nếu các triệu chứng vẫn tồn tại dai dẳng.

Con trĩ cấp tính

- 1 viên x 3 lần/ngày trong 4 ngày đầu, sau đó 1 viên x 2 lần/ngày trong 3 ngày tiếp theo.
- Đối với chỉ định này, chỉ nên sử dụng DH-Hasanflon 1000 trong một khoảng thời gian ngắn (tức là trong 7 ngày).

Trẻ em

Tính an toàn và hiệu quả ở trẻ em và thanh thiếu niên dưới 18 tuổi chưa được thiết lập. Vì vậy, việc sử dụng thuốc này ở trẻ em không được khuyến khích.

Chỉnh liều cho các đối tượng sử dụng đặc biệt:

Người bệnh có suy thận/suy gan và/hoặc người cao tuổi: Sự an toàn và hiệu quả chưa được nghiên cứu. Cho đến nay, không có dữ liệu nào hỗ trợ nhu cầu điều chỉnh liều trong các phân nhóm này.

Cách dùng

- Dùng thuốc đường uống, trong các bữa ăn.
- Nếu quên dùng thuốc, uống ngay sau khi nhớ ra. Nếu thời điểm nhớ ra gần với thời điểm uống liều tiếp theo, hãy bỏ qua liều đã quên và tiếp tục uống liều tiếp theo như thường lệ. Không uống liều gấp đôi để bù cho liều đã quên.
- Không có yêu cầu đặc biệt về xử lý thuốc sau khi sử dụng.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Quá mẫn với phần đoạn flavonoid tinh khiết dạng vi hạt hoặc với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

- Việc sử dụng DH-Hasanflon 1000 trong điều trị triệu chứng các cơn trĩ cấp tính không thể thay thế các phương pháp điều trị cụ thể khác sử dụng cho các bệnh lý trực tràng. Thời gian điều trị nên được giới hạn trong một thời gian ngắn (tức là 7 ngày). Nếu các triệu chứng không biến mất sau khi điều trị ngắn hạn, nên kiểm tra trực tràng và xem xét lại việc điều trị.
- Về việc điều trị suy tĩnh mạch mãn tính, hiệu quả thuận lợi nhất có thể đạt được thông qua lối sống thích nghi. Nên tránh tiếp xúc lâu với ánh sáng mặt trời, đứng lâu và thừa cân. Đi bộ và mang vớ y khoa có thể giúp cải thiện tuần hoàn ở chi dưới.
- Nên đặc biệt chú ý trong trường hợp bệnh trở nặng khi điều trị. Điều này có thể biểu hiện như viêm da, viêm tĩnh mạch, chai dưới da, đau dữ dội, loét da hoặc các triệu chứng không điển hình (ví dụ: sưng tấy ngay lập tức ở một hoặc cả hai chân).
- DH-Hasanflon 1000 không có tác dụng giảm sưng tấy chi dưới do các bệnh về tim, gan hoặc thận.
- DH-Hasanflon 1000 chứa ít hơn 1 mmol (23 mg) natri mỗi viên, nghĩa là về cơ bản thuốc "không chứa natri".

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai

Không có dữ liệu hoặc dữ liệu còn hạn chế về việc sử dụng thuốc trên phụ nữ có thai. Các nghiên cứu trên động vật không cho thấy độc tính sinh sản. Như một biện pháp phòng ngừa, tránh sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ cho con bú

Chưa có dữ liệu báo cáo thuốc có tiết qua sữa mẹ hay không. Không thể loại trừ nguy cơ đối với trẻ bú mẹ. Cần cân nhắc giữa lợi ích và nguy cơ để quyết định nên ngừng cho con bú hay dùng/kiêng điều trị DH-Hasanflon 1000.

Khả năng sinh sản

Các nghiên cứu về độc tính trên sinh sản không cho thấy ảnh hưởng lên khả năng sinh sản ở chuột.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC

Chưa có nghiên cứu về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái



TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐS. Trần Đình Hương

140 x 160 mm

xe, vận hành máy móc. Tuy nhiên, dựa theo dữ liệu an toàn của tổng thể, DH-Hasanflon 1000 không ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng không đáng kể đến khả năng lái xe, vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG KỶ CỦA THUỐC

Tương tác của thuốc

Chưa có nghiên cứu tương tác thuốc được thực hiện. Tuy nhiên, theo dữ liệu hậu mãi, chưa thấy có tương tác thuốc nào được báo cáo trên lâm sàng.

Tương kỵ của thuốc

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC

Các tác dụng không mong muốn được phân nhóm theo tần suất: rất thường gặp ($ADR \geq 1/10$), thường gặp ($1/100 \leq ADR < 1/10$), ít gặp ($1/1.000 \leq ADR < 1/100$), hiếm gặp ($1/10.000 \leq ADR < 1/1.000$), rất hiếm gặp ($ADR < 1/10.000$) và không rõ tần suất (không đánh giá được tần suất từ các dữ liệu sẵn có).

- **Hệ thần kinh:** chóng mặt, nhức đầu, khó chịu (hiếm gặp).
- **Tiêu hóa:** tiêu chảy, khó tiêu, buồn nôn, nôn (thường gặp); viêm đại tràng (hiếm gặp); đau bụng (không rõ tần suất).
- **Da và mô dưới da:** phát ban, ngứa, mày đay (hiếm gặp).
- **Hệ thống miễn dịch:** phù cục bộ mặt, môi, mí mắt; trường hợp đặc biệt, phù Quincke (không rõ tần suất).

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Quá liều

Dữ liệu về quá liều DH-Hasanflon 1000 còn hạn chế. Các triệu chứng quá liều được báo cáo thường xuyên nhất bao gồm tác dụng không mong muốn trên đường tiêu hóa (như tiêu chảy, buồn nôn, đau bụng) và ngoài da (như ngứa, phát ban).

Cách xử trí khi dùng thuốc quá liều

Trong trường hợp quá liều, tiến hành điều trị triệu chứng.

ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC HỌC

Nhóm dược lý: Thuốc tác động lên mao mạch, bioflavonoid.

MAATC: C05CA53.

Cơ chế tác dụng

DH-Hasanflon 1000 làm giảm độ căng và giảm ứ đọng tĩnh mạch. Ở cấp độ vi tuần hoàn, nó bình thường hóa tính thấm của mao mạch và tăng cường sức đề kháng của mao mạch.

Tác dụng dược lực

Liên quan giữa liều lượng – tác dụng: tồn tại mối quan hệ có ý nghĩa thống kê giữa liều lượng và tác dụng, thể hiện qua các thông số dung tích mạch máu, tính căng phồng và thời gian làm rộng mạch máu. Tỷ lệ liều lượng – tác dụng tốt nhất đạt được khi dùng 1 viên.

Phép đo thể tích tắc nghẽn tĩnh mạch cho thấy thời gian làm

rỗng tĩnh mạch giảm đi.

- **Hoạt tính trên tuần hoàn mao mạch:** các nghiên cứu mù đôi có kiểm soát cho thấy sự khác nhau có ý nghĩa thống kê khi so sánh với giả dược, thuốc làm tăng kháng lực mao mạch ở bệnh nhân có hệ thống mao mạch yếu.

ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC

- **Hấp thu:** Sau khi uống, diosmin và hesperidin dạng micronized trải qua quá trình chuyển đổi nhanh chóng trong lòng ruột thành diosmetin và hesperetin, những chất này sẽ được hấp thu dưới dạng không đổi. Nồng độ đỉnh trong huyết tương của diosmetin đạt được sau 1 đến 3 giờ, trong khi nồng độ đỉnh của hesperetin đạt được sau 5 giờ.
- **Phân bố:** Trong hệ tuần hoàn, diosmetin và hesperetin liên kết với protein huyết tương, chủ yếu là albumin huyết thanh người.
- **Chuyển hóa:** Thuốc được chuyển hóa rộng rãi, bằng chứng là có sự hiện diện của nhiều loại acid phenolic trong nước tiểu.
- **Thải trừ:** Ở người, sau khi uống diosmin có gắn C^{14} quá trình đào thải chủ yếu qua phân; trung bình, 14% liều dùng được bài tiết qua nước tiểu. Thời gian bán thải là 11 giờ.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 03 vỉ x 10 viên nén bao phim. Vỉ bìa Al/PVC trong.

Hộp 05 vỉ x 10 viên nén bao phim. Vỉ bìa Al/PVC trong.

Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim. Vỉ bìa Al/PVC trong.

BẢO QUẢN

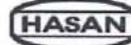
Nơi khô, dưới 30°C. Tránh ánh sáng.

HẠN DÙNG

24 tháng (kể từ ngày sản xuất).

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Tiêu chuẩn cơ sở.



Cơ sở sản xuất:

NHÀ MÁY 2 CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH

HASAN - DERMAPHARM

Lô F, Đường số 5, KCN Đồng An, Bình Hòa, Thuận An,
Bình Dương, Việt Nam

